

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH BẢO HIỂM

1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (8 tín chỉ) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	12	9,92
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	18	14,87
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	57	47,11
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,83
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5,79
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,09
1.4.3	Pháp luật	2	1,65
1.4.4	Tin học	4	3,31
1.5	Kiến thức khác ngành	2	1,65
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	6,61
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6,61
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (8 tín chỉ) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2. Khung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				12						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			12						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics theory	2	2				TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				18						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			14						
1.2.1.1	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	Risk Management	2	2					
1.2.1.2	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	The principle of insurance	2	2					
1.2.1.3	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles	2	2					
1.2.1.4	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	Investment Economics	2	2					
1.2.1.5	LTBH0422H	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	Social insurance basic	2	2					
1.2.1.6	ASXH0322H	Nhập môn an sinh xã hội	Introduction to social security	2	2					
1.2.1.7	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)			4						
	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)			2						
1.2.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2					
1.2.2.2	LLĐO1022H	Luật lao động	Labour law		2					
1.2.2.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	Sociological survey							
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.2.2.4	TĐDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	Investment projects Appraise							
1.2.2.5	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	Stock market							
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				57						
1.3.1	Các học phần bắt buộc			39						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.1.1	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	Insurance finance 1	2	2					
1.3.1.2	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	Insurance finance 2	2	2				TCB10422H	
1.3.1.3	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	Non - Life insurance 1	2	2				NLBH0422H	
1.3.1.4	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	Non - Life insurance 2	2	2				PNT10422H	
1.3.1.5	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	Life insurance	2	2				NLBH0422H	
1.3.1.6	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	Insurance business management 1	2	2					
1.3.1.7	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	Insurance business management 2	2	2				KDB10422H	
1.3.1.8	NVBH0422H	Nghiep vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.3.1.9	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	Social insurancemanagement	2	2					
1.3.1.10	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	Pension insurance	3	3				LTBH0422H	
1.3.1.11	BHTN0422H	Bảo hiểm thất nghiệp	Unemployment insurance	2	2				LTBH0422H	
1.3.1.12	THBH0423H	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	Organizing the implementation of social insurance	3		3				
1.3.1.13	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	Financial insurance analysis	3	3					
1.3.1.14	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	Public health insurance	2						
1.3.1.15	TCN10422T	Tin học chuyên ngành 1	Applied informatics in insurance 1	2		2				
1.3.1.16	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	Insurance statistics	2	2				NLTK1322H	
1.3.1.17	TCN20422T	Tin học chuyên ngành 2	Applied informatics in insurance 2	2		2				
1.3.1.18	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	Reinsurance	2	2					
1.3.2	Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)			10						
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.2.1	QLTH0422L	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	Receipvables management of social insurance fund		2					
1.3.2.2	QLCH0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp	Receipvablesmanagement in enterprise section		2					
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.3.2.3	QLCH0422L	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	Expanditures management of social insurance fund		2					
1.3.2.4	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	Social insurance records management		2					
	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)			2						
1.3.2.5	XHTN0422L	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Voluntary social insurance		2					
1.3.2.6	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	Health insurance assessment		2					
1.3.2.7	ĐPBH0422L	Định phí bảo hiểm	Actuary		2					
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.3.2.8	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	Insurance claims handling		2					
1.3.2.9	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	Agent insurance management		2					
	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.3.2.10	BHTG0422H	Bảo hiểm tiền gửi	Deposit insurance		2					
1.3.2.11	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	Insurance enterprises management		2					
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4		
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						
1.3.4.1	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	Financial Insurance Investment	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.4.2	CSBH0423L	Hoạch định hính sách bảo hiểm xã hội	Planning social insurance policy	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				24						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				5						
1.4.1.1	99TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 2	2	2					
1.4.1.2	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist political economy	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				4						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				2						
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology		2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logics		2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology		2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				11						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Khóa luận - KL; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.6.1 Ngoại ngữ				8						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TABH0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	English for Insurance	3	3					
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 TC)									
1.6.2.1	Các học phần bắt buộc			1	1					
	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1	1					
1.6.2.2	Các học phần tự chọn (2/6 HP)			2	2					
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1	1					
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1	1					
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1	1					
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1	1					
	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1	1					
	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1	1					
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe									
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1	1					
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1	1					
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1	1					
1.6.3	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)									
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2		2				
Tổng cộng				121						

